

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/ 2017/DS -ST

Ngày: 31 - 8 - 2017.

“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 8 năm giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn P** – Sinh năm: 1966 và bà Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1977 – Cùng địa chỉ nơi cư trú: Số 610 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Ông Lê Văn P - Địa chỉ nơi cư trú: Số 610 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H (Văn bản ủy quyền số 133/2017 ngày 10/8/2017. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết M** – Sinh năm: 1961 – Địa chỉ nơi cư trú: Số 235 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Lê Văn P trình bày:

Vào ngày 26/4/2016 bà Nguyễn Thị Tuyết M có mượn của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng y), khi mượn bà M có viết giấy mượn tiền, không lãi suất và cam kết đến 4 tháng sau sẽ trả. Đến thời hạn bà M đã không trả nợ, dù ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H đã nhiều lần yêu cầu bà M phải thanh toán dứt điểm số nợ trên.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết M xác nhận có mượn của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng y) như bà M đã trình bày, Bà M mượn số tiền của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H để giải quyết việc riêng của cá nhân bà M, chồng bà là ông Đoàn Ngọc N hoàn toàn không hề biết, cũng như việc bà viết giấy mượn tiền và nhận tiền từ vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H, bà cam đoan bà sẽ trả cho vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bắt đầu thực hiện từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi trả hết nợ.

Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H cũng thừa nhận việc ông cho bà Đỗ Thị Tuyết M mượn tiền, lúc bà M nhận tiền và viết giấy mượn tiền đều không có mặt ông Đoàn Ngọc N là chồng của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

A. Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H với bà Nguyễn Thị Tuyết M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

B. Về nội dung:

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H Hội đồng xét xử thấy:

Vào ngày 26/4/2016 bà Nguyễn Thị Tuyết M có mượn của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng y), khi mượn bà M có viết giấy mượn tiền, không lãi suất và cam kết 4 tháng sau sẽ trả, đến thời hạn bà M đã không trả được nợ cho vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết M cũng thừa nhận hiện còn nợ của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và bà xin trả mỗi tháng 5.000.000đ bắt đầu từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Lê Văn P và Nguyễn Thị Tuyết M đều thừa nhận từ lúc bà M hỏi mượn tiền, lúc ông P bà H giao tiền cho bà M và lúc bà M viết giấy mượn tiền ông Đoàn Ngọc N là chồng của bà M hoàn toàn không hề hay biết gì về việc mượn tiền của bà M.

Áp dụng Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H không phải chứng minh các tình tiết, sự kiện do mình đưa ra.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 26/4/2016 bà Nguyễn Thị Tuyết M có mượn của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) chưa trả, nay bà M xin mỗi tháng là 5.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng ông Lê Văn P không đồng ý.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông P và bà M đều khẳng định ông Đoàn Ngọc N là chồng của bà Nguyễn Thị Tuyết M hoàn toàn không hề biết việc bà M mượn tiền của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H, và giấy nhận nợ ngày 26/4/2016 do bà Nguyễn Thị Tuyết M viết không thể hiện khoản nợ 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) là nợ chung của ông Đoàn Ngọc N và bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H. Nên HĐXX thấy không có cơ sở để đưa ông Đoàn Ngọc N vào tham gia tố tụng tại Tòa với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời buộc ông Đoàn Ngọc N phải có trách nhiệm cùng với bà Đỗ Thị Tuyết M trả nợ cho vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H

Do bà Nguyễn Thị Tuyết M đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H xử buộc bà Đỗ Thị Tuyết M phải thanh toán cho vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

Vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không đề cập đến.

[2] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 của Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án là 230.000.000đ x 5%.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463 466 và 468 của Bộ luật dân sự.
- Áp dụng các Điều 92, 235 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H đối bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc Nguyễn Thị Tuyết M phải thanh toán cho vợ chồng ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu.

Hoàn trả cho ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí 5.750.000 (Năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 009593 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân

quận Hải Châu, tp Đà Nẵng

- Lưu hồ sơ vụ án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Ba